

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy;
2. Ông Phạm Hồng Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Mỹ D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố M3, thị trấn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng N K, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố M3, thị trấn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Mỹ D và anh Đặng N K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên ngày 28/7/1999. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng nghi kỵ nhau không chung thủy, dẫn đến cuộc sống có nhiều bất hòa và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị D đã khởi kiện xin ly hôn, tòa án đã thụ lý, chị đã rút đơn về để có cơ hội cho vợ chồng hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Xét thấy không

còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thời gian ly thân đã dài nên chị D tiếp tục khởi kiện xin ly hôn anh K.

Về con chung: Chị D và anh K có ba con chung là Đặng Thị Bích N, sinh ngày 23/6/2000; Đặng Thị Kim A, sinh ngày 03/11/2004 và Đặng Thị Hồng S, sinh ngày 14/7/2011. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chưa thành niên là Đặng Thị Kim A sinh ngày 03/11/2004 và Đặng Thị Hồng S sinh ngày 14/7/2011 và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tòa án giải quyết, bị đơn anh Đặng Ngọc K trình bày: thống nhất với chị Trịnh Thị Bích D về quan hệ hôn nhân, có ba con chung, xác nhận vợ chồng đã sống ly thân 3-4 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, nhưng cho rằng không có mâu thuẫn, tự chị D bỏ đi, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Nếu ly hôn thì con ở với ai người đó nuôi, hàng tháng nếu có tiền anh sẽ chu cấp. Anh K không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Ngày 21/9/2022, anh K có điện thoại với Tòa án, nội dung anh K thừa nhận có được chị D và con gái thông báo Sg ngày 23/9/2022 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án chị D xin ly hôn với anh nhưng anh không về được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn với chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ tài liệu cần thiết để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có nội dung điện thoại thể hiện yêu cầu được giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, chị D được ly hôn với anh K; giao con chung Đặng Thị Kim A, sinh ngày 03/11/2004 và Đặng Thị Hồng S, sinh ngày 14/7/2011 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì về tài sản nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trịnh Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Hình giải quyết việc xin ly hôn với anh Đặng Ngọc K cư trú tại Khu phố M3, thị trấn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Đặng Ngọc K có điện thoại nội dung xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cả anh K và chị D đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị D đã hai lần gửi đơn khởi kiện xin ly hôn, anh K đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trịnh Thị Mỹ D và anh Đặng Ngọc K được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị D và anh K đều xác nhận có ba con chung là Đặng Thị Bích N sinh ngày 23/6/2000, Đặng Thị Kim A sinh ngày 03/11/2004 và Đặng Thị Hồng S sinh ngày 14/7/2011. Chị D yêu cầu được nuôi cả hai con chưa thành niên là Đặng Thị Kim A sinh ngày 03/11/2004 và Đặng Thị Hồng S sinh ngày 14/7/2011 là phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của hai con, nên Hội đồng xét xử cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con A và S theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên ghi nhận.

Theo quy định của pháp luật, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của các con, khi cần thiết chị D và anh K đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Mỹ D phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Mỹ D

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Mỹ D được ly hôn anh Đặng Ngọc K.

Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Mỹ D trực tiếp nuôi hai con chung Đặng Thị Kim A sinh ngày 03/11/2004 và Đặng Thị Hồng S sinh ngày 14/7/2011 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động. Chị Trịnh Thị Mỹ D không yêu cầu anh Đặng Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Ngọc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con, khi cần thiết chị D và anh K đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0001135 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, chị Trịnh thị Mỹ D đã thi hành xong phần án phí sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hình;
- Các đương sự;
- UBND xã An Xuân, h. Tuy An;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

